TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 98/2018/HS-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Dung

Ông Sái Văn Trọng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Toà án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2018/HS- ST ngày 02 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 97/2018/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Triệu Hồng Đ, sinh ngày 01/6/1987; nơi sinh tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn ĐN, xã TĐ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Kim T1 và bà Lưu Thị P; vợ, con: Chưa có; tiền án: Tại bản án số 29/HSST ngày 21/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Triệu Hồng Đ 01 năm 03 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ra trại ngày 10/9/2016, Đ chưa thi hành án dân sự; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/02/2015, Đô bị Công an huyện SL quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, mức phạt 500.000đ; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2018 đến nay, có mặt.

Những người bị hại:

1. Anh Bùi Hồng S, sinh năm 1992; trú tại: Thôn YH, xã SĐ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2. Anh Trần Mạnh Th, sinh năm 1981; trú tại: Tổ dân phố TT, thị trấn HS, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3. Ông Hà Văn T, sinh năm 1963; trú tại: LY 1, phường ĐT thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

4. Chị Phạm Thị T2, sinh năm 1974; trú tại: Khu 3, thôn Tr, thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Gia Qu, sinh năm 1983; trú tại: Thôn ĐT, xã SĐ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1983; trú tại: Thôn ĐL, xã ĐI, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960; trú tại: Thôn ĐL, xã TH, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 01/12/2017 đến ngày 06/5/2018, Triệu Hồng Đ đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố V, địa bàn huyện YL và huyện LT, cụ thể như sau:

+ Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 01/12/2017, Triệu Hồng Đ đi bộ một mình từ nhà sang xã SĐ, huyện LT, mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà anh Bùi Hồng S, ở thôn YH, xã SĐ, huyện LT thấy cửa cổng mở, không có ai trông giữ nhà, cánh cửa nách nhà anh S bị vỡ kính, Đ chui qua cửa kính bị vỡ vào bên trong nhà. Đ đi vào phòng khách, lấy trên kệ để ti vi 01 bộ loa thùng, nhãn hiệu SKY, gồm: 01 loa cái, kích thước 40x23x49cm, 02 loa đứng, kích thước 60x13x12cm đúc vào bao tải xác rắn có sẵn trong phòng. Sau đó, Đ đi đến chân cầu thang cạnh phòng khách, lấy 01 máy bơm nước, màu đen, nhãn hiệu HANIL đúc vào bao tải cùng bộ loa, rồi vác đi ra ngoài. Đ đem số tài sản trên đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của anh Lê Gia Q ở thôn ĐT, xã SĐ, huyện LT bán cho anh Q được 400.000 đồng. Số tiền trên Đ tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 01/12/2017, anh Bùi Hồng S trình báo Công an huyện LTh về việc bị mất trộm 01 bộ loa gồm 03 chiếc, 01 máy bơm nước và 01 ấm đun nước, tổng trị giá tài sản khoảng 3.600.000đ.

Ngày 15/5/2018, anh Lê Gia Q tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT công an huyện LT 01 bộ loa và 01 máy bơm nước để phục vụ điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 184/KL- HĐĐG ngày 07/6/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự UBND huyện LT kết luận: 01 bộ loa nhãn hiệu SKY (gồm 01 loa cái và 02 loa thùng) trị giá 700.000đ; 01 máy bơm nước nhãn hiệu HANIL trị giá 500.000đ. Tổng trị giá tài sản là 1.200.000đ.

Đối với 01 ấm đun nước, anh S trình báo bị mất, quá trình điều tra xác định sau đó anh S đã kiểm tra và tìm thấy trong nhà ở nên không có đề nghị gì.

Ngày 15/6/2018, Cơ quan CSĐT công an huyện LT đã trả lại số tài sản trên cho anh Bùi Hồng S. Anh S nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

+ Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/12/2017, Triệu Hồng Đ đi xe máy đến thị trấn HS, huyện LT, mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến xưởng gỗ của anh Trần Mạnh Th ở tổ dân phố TT, thị trấn HS, huyện LT (trước đây Đ đã làm việc cho xưởng của anh Th), Đ quan sát thấy cửa xưởng mở, không có người trông giữ. Đ dựng xe máy bên ngoài cổng, đi vào bên trong xưởng lấy 01 máy cắt nhôm bằng kim loại, nhãn hiệu MAKITA LS 1030N, trọng lượng 15kg, công suất 7.5ampes. Sau đó, Đ chở máy cắt đến xưởng cơ khí của anh Nguyễn Xuân H, ở thôn ĐL, xã ĐI, huyện LT và bán cho anh H được 600.000đ. Số tiền trên Đ tiêu xài cá nhân hết.

Cùng ngày 18/12/2017, anh Trần Mạnh Th có đơn trình báo Công an huyện LT về việc bị mất trộm 01 máy cắt nhôm, trị giá tài sản khoảng 5.600.000đ.

Sau khi bị mất tài sản, anh Th đã tìm được chiếc máy cắt nhôm bị mất ở xưởng cơ khí của anh Nguyễn Xuân H và chuộc chiếc máy cắt trên với số tiền 600.000đ. Ngày 20/12/2017, anh Th tự nguyện giao nộp chiếc máy cắt nhôm cho Cơ quan điều tra để phục vụ điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 152/KL- HĐĐG ngày 20/12/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự UBND huyện LT kết luận: 01 máy cắt nhôm bằng kim loại, nhãn hiệu MAKITA LS 1030N trị giá là 3.000.000đ.

Ngày 04/6/2018, Cơ quan CSĐT công an huyện LT trả lại số tài sản trên cho anh Thắng. Anh Th nhận lại tài sản và yêu cầu Triệu Hồng Đ phải bồi thường cho anh số tiền 600.000đ là tiền anh đã bỏ ra để chuộc máy cắt nhôm từ anh Nguyễn Xuân H.

+ Vụ thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 05/5/2018, Triệu Hồng Đ đi bộ lang thang ở khu vực gần siêu thị Big C, phường KQ, thành phố V, sau đó Đ đi nhờ xe máy của người đi đường đến khu làm lăng mộ đá thuộc đường BOT, đoạn giáp danh giữa thành phố V với xã ĐC, huyện YL. Đ quan sát thấy trang trại chăn nuôi của ông Hà Văn T, ở cánh đồng thôn PC, xã ĐC, huyện YL không có người trông giữ. Đ đi vào bên trong khu nhà ở, thấy xe máy BKS 88F4 – 4022, màu xanh, nhãn hiệu POMUSPACYAN, kiểu loại xe Wave để dựng dưới hiên nhà, ổ khóa vẫn cắm chìa khóa. Đ dắt xe đi ra cổng rồi ngồi lên xe nổ máy bỏ chạy. Khoảng 13 giờ cùng ngày 05/5/2018, Đ điều khiển xe đến cửa hàng thu mua phế liệu của ông Nguyễn Văn C, ở xã T, huyện LT rồi bán cho ông C được 520.000đ. Số tiền trên Đ tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 06/5/2018, ông C bán xe máy BKS 88F4 – 4022 cho một người khách (không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể) được 560.000đ. Ngày 07/5/2018, ông C tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 40.000đ do chênh lệch bán xe máy mà có.

Ngày 07/5/2018, ông Hà Văn T có đơn trình báo Cơ quan CSĐT công an huyện YL về việc bị mất trộm xe máy BKS 88F4 – 4022, trị giá tài sản khoảng 2.500.000đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 36/KL - HĐĐG ngày 25/5/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự UBND huyện YL (định giá trên hồ sơ) kết luận: 01 xe máy BKS 88F4 – 4022, trị giá là 1.000.000đ.

Chiếc xe máy không thu hồi được, ông T yêu cầu Đ phải bồi thường trị giá bằng tiền là 1.000.000đ.

+ Vụ thứ tư: Khoảng 06 giờ ngày 06/5/2018, Triệu Hồng Đ đi xe bus từ nhà đến thành phố V, mục đích xem ai có tài sản gì sơ hở để trộm cắp. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, Đ xuống xe bus rồi đi vào trong chợ C, phường ĐT, thành phố V, sau đó đi ra phía cổng phụ của chợ thì phát hiện xe máy BKS 88H3 – 7999, nhãn hiệu SYM Angel của chị Phạm Thị T2, ở khu 3, thôn T, thị trấn YL, huyện YL đang dựng ở khu vực bán hàng rau, trên xe có lắp 01 giá chở hành bằng kim loại, nặng khoảng 5,5kg, ổ khóa vẫn cắm chìa khóa, không có người trông giữ. Đ lại gần xe máy quay xe 180^{o} để đầu xe hướng về phía ngõ 1, đường LTK, phường ĐT rồi ngồi lên xe nổ máy bỏ chạy. Đi ra đầu ngõ 1 thì Đ bị chị T2 cùng quần chúng nhân dân phát hiện, bắt giữ và đưa về trụ sở công an phường ĐT lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ tang vật là xe máy BKS 88H3 – 7999, trên xe có 01 giá để hàng bằng kim loại.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 71/KL - HĐĐG ngày 10/5/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự UBND thành phố V kết luận: 01 xe máy BKS 88H3 –7999, trị giá là 3.000.000đ; 01 giá để hàng bằng kim loại, nặng 5,5kg trị giá 200.000đ. Tổng trị giá tài sản là 3.200.000đ.

Ngày 22/5/2018, Cơ quan CSĐT công an thành phố V trả lại cho chị T2 chiếc xe máy trên. Chị T2 nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Cáo trạng số 100/CT-VKSTPVY ngày 01/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Triệu Hồng Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Triệu Hồng Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Người bị hại chị Phạm Thị T2 tại phiên tòa khai: Khoảng hơn 07 giờ 30 phút ngày 06/5/2018, chị đi chợ C ở phường ĐT, thành phố V có để chiếc xe máy có giá để hàng đằng sau xe, chị thấy Đ lấy xe của chị rồi bỏ chạy, chị hô hoán cùng mọi người đuổi bắt được Đ. Chiếc xe máy chị đã được Cơ quan điều tra trả lại, chị không yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị xử phạt Đ theo quy định của pháp luật.

Những người bị hại vắng mặt, quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

Anh Bùi Hồng S khai: Sáng ngày 01/12/2017, anh bị kẻ trộm lấy 01 bộ loa thùng, gồm: 01 loa cái, 02 loa đứng nhãn hiệu SKY và 01 máy bơm nước, nhãn

hiệu HANIL. Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả anh những tài sản bị mất, anh không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự, đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật;

Anh Trần Mạnh Th khai: Sáng ngày 18/12/2017, anh bị kẻ trộm lấy 01 máy cắt nhôm bằng kim loại, nhãn hiệu MAKITA LS 1030N, trị giá khoảng 5.600.000đ. Sau đó anh đi tìm thấy và chuộc chiếc máy này tại xưởng cơ khí của anh Nguyễn Xuân H với giá 600.000đ. Anh Th yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền anh đã bỏ ra để chuộc lại tài sản và đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật;

Ông Hà Văn T khai: Sáng ngày 05/5/2018, ông để chiếc xe máy BKS 88F4 – 4022, trị giá tài sản khoảng 2.500.000đ, tại trang trại chăn nuôi của ông ở cánh đồng thôn PC, xã ĐC, huyện YL thì bị mất. Chiếc xe hiện không thu hồi được, ông yêu cầu Đ phải bồi thường trị giá bằng tiền theo kết luận định giá là 1.000.000đ và đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

Anh Lê Gia Q khai nhận: Ngày 01/12/2017, Triệu Hồng Đ đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của anh ở thôn ĐT, xã SĐ, huyện LT bán cho anh 03 chiếc loa, nhãn hiệu SKY, gồm: 01 loa cái, 02 loa đứng và 01 máy bơm nước, nhãn hiệu HANIL. Khi bán, Đ nói tài sản nhà Đ không dùng nữa, tin tưởng nên anh đồng ý mua với giá 400.000 đồng. Anh đã tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra để xử lý, nay anh yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường cho anh 400.000đ.

Anh Nguyễn Xuân H khai nhận: Ngày 18/12/2017, Triệu Hồng Đ đến xưởng cơ khí của anh ở thôn ĐL, xã ĐI, huyện LT và bán cho anh 01 máy cắt nhôm bằng kim loại, nhãn hiệu MAKITA LS 1030N (Đ nói là tài sản của nhà Đ không dùng đến, anh không biết là tài sản do Đ trộm cắp mà có) với giá 600.000đ. Sau đó Trần Mạnh Th đến chuộc lại cũng với giá 600.000đ, do vậy anh không có yêu cầu gì khác.

Ông Nguyễn Văn C khai: Chiều ngày 05/5/2018, Đ điều khiển xe máy BKS 88F4 – 4022 đến cửa hàng thu mua phế liệu của ông ở xã TH, huyện LT nói có chiếc xe của gia đình đã cũ không dùng nữa muốn bán, ông tin tưởng và không biết tài sản này do Đ phạm tội mà có nên đã mua với giá 520.000đ. Sau đó có người đi qua hỏi mua và ông bán lại với giá 560.000đ. Ông tự nguyện nộp 40.000đ tiền chênh lệch do bán chiếc xe trên mà có.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1

Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 để xử phạt bị cáo Triệu Hồng Đ từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù; đề nghị xử lý vật chứng và bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Triệu Hồng Đ không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; với kết luận định giá tài sản và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Từ ngày 01/12/2017 đến ngày 06/5/2018, Triệu Hồng Đ thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố V, huyện LT và huyện YL, tổng trị giá tài sản trộm cắp là 8.400.000đ, cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 01/12/2017, Triệu Hồng Đ trèo vào nhà anh Bùi Hồng S ở xã SĐ, huyện LT, trộm cắp 01 bộ loa (03 chiếc) nhãn hiệu SKY và 01 máy bơm nước. Sau khi trộm cắp được tài sản, Đ bán cho anh Lê Gia Q được 400.000 đồng. Trị giá tài sản thiệt hại được định giá xác định là 1.200.000đ.

Vụ 2: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/12/2017, Triệu Hồng Đ đến xưởng gỗ nhà anh Trần Mạnh Th ở thị trấn HS, huyện LT trộm cắp 01 máy cắt nhôm, nhãn hiệu MAKITA. Sau khi trộm cắp được tài sản, Đ bán cho anh Nguyễn Xuân H được 600.000 đồng. Trị giá tài sản thiệt hại được định giá xác định là 3.000.000đ.

Vụ 3: Khoảng 08 giờ ngày 05/5/2018, Triệu Hồng Đ đến trang trại nhà ông Hà Văn T ở cánh đồng thôn PC, xã ĐC, huyện YL trộm cắp 01 xe máy BKS 88F4 – 4022 của ông T. Sau khi trộm cắp được tài sản, Đ bán cho ông Nguyễn Văn Ch được 520.000 đồng. Trị giá tài sản thiệt hại được định giá xác định là 1.000.000đ.

Toàn bộ số tiền bán được tài sản do trộm cắp trên Đ tiêu xài hết.

Vụ 4: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 06/5/2018, Triệu Hồng Đ đến khu vực chợ C, phường ĐT, thành phố V trộm cắp 01 xe máy BKS 88H3 – 7999, có 01 giá để hàng bằng kim loại trên xe của chị Phạm Thị Th. Sau khi trộm cắp được tài sản, Đ nổ máy bỏ chạy thì bị quần chúng nhân dân phát hiện bắt quả tang. Tổng trị giá tài sản được định giá xác định là 3.200.000đ.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo Triệu Hồng Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Triệu Hồng Đ có 02 lần thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản vào tháng 12/2017 (trước thời điểm Bộ luật Hình sự 2015 có

hiệu lực) và 02 lần vào tháng 5/2018 (sau thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực). Mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là "Chung thân", cao hơn mức hình phạt quy định tại điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là "đến 20 năm tù"; khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 và khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là tương đương nhau (phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm). Theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017 của Quốc hội và khoản 3, Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định một hình phạt nhẹ hơn được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành. Do vậy, hành vi của Triệu Hồng Đ cần truy tố, xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp và đúng quy định. Tội phạm và hình phạt được quy định "1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng . . . thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang và lo lắng trong nhân dân.

Xét tính chất, mức độ của tội phạm, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có sức khỏe, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân; vì lòng tham, tư lợi và để có tiền cho việc mua ma túy để sử dụng, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp, chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Bản thân bị cáo có 01 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản (Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý thuộc trường hợp "tái phạm" (Bản án số 29/2015 ngày 21/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xác định Đô sinh ngày 07/4/1987, tuy nhiên tại biên bản xác minh ngày 09/5/208 tại Công an xã TĐ, huyện LT thể hiện ngày sinh của bị cáo Đ là ngày 01/6/1987 và đó là một người - BL107); trong một thời gian ngắn Đ nhiều lần thực hiện phạm tội, ngoài ra bị cáo còn có nhân thân xấu (bị Công an huyện SL quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy năm 2015), do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo đó là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự đó là "Tái phạm" và "Phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất của vụ án, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo mức hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đó đều hợp pháp.

[3] Đối với người liên quan, vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với anh Lê Gia Q, quá trình điều tra xác định anh Q mua bộ loa và máy bơm nước của Đ với giá 400.000đ, anh Q không biết là tài sản do Đ trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là phù hợp. Anh Q yêu cầu Đ phải bồi thường cho anh số tiền 400.000đ là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với anh Nguyễn Xuân H, quá trình điều tra xác định anh H mua máy cắt nhôm của Đ với giá 600.000đ, sau đó anh đã cho anh Trần Mạnh Th chuộc lại tài sản với giá 600.000đ. Khi mua, anh Hg không biết là tài sản do Đ trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là phù hợp. Anh H không yêu cầu Đ phải bồi thường gì về dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Nguyễn Văn C, quá trình điều tra xác định: Khi mua xe máy BKS 88F4 – 4022 của Đô, ông C không biết là tài sản do Đ trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với 01 bộ loa (gồm 01 loa cái và 02 loa thùng), quá trình điều tra xác định là tài sản của gia đình anh Bùi Hồng S. Ngày 15/6/2018, Cơ quan CSĐT công an huyện LT đã trả lại số tài sản trên cho anh S. Anh S nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc máy cắt nhôm, quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Trần Mạnh Th. Ngày 04/6/2018, Cơ quan CSĐT công an huyện LT trả lại số tài sản trên cho anh Th. Anh Th nhận lại tài sản và yêu cầu Triệu Hồng Đ phải bồi thường cho anh số tiền 600.000đ (là tiền anh đã bỏ ra để chuộc máy cắt nhôm từ anh Nguyễn Xuân H) là phù hợp, cần chấp nhận.

Đối với chiếc xe máy Đ sử dụng là phương tiện phạm tội, quá trình điều tra xác định Đ không có tài sản là xe máy; Đ không nhớ mượn của ai, không nhớ đặc điểm của xe nên Cơ quan CSĐT tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với xe máy BKS 88F4 – 4022: Quá trình điều tra xác định đứng tên chủ sở hữu là ông Lê Văn T, sinh năm 1956, ở xã SĐ, huyện LT. Khoảng tháng 9/2017, ông T không có nhu cầu sử dụng đã bán lại cho anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1982, ở xã ĐC, huyện YL. Đến tháng 10/2017, anh Đ bán cho ông Hà Văn T, ông T không làm thủ tục sang tên đổi chủ và sử dụng làm phương tiện đi lại từ đó đến ngày bị mất. Kết quả tra cứu xe máy BKS 88F4 - 4022 không có trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng. Chiếc xe máy là tang vật vụ án không thu hồi được, ông T yêu cầu Đ phải bồi thường trị giá bằng tiền là 1.000.000đ là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với số tiền 40.000đ mà ông Nguyễn Văn C nộp cho Cơ quan điều tra là tiền chênh lệch do ông C bán tài sản do Đ phạm tội mà có cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với xe máy BKS 88H3 – 7999, quá trình điều tra xác định đứng tên chủ sở hữu là anh Tạ Văn H, sinh năm 1980, ở thôn YT, xã YĐ, huyện YL. Năm 2007, anh H bán cho chị Phạm Thị T2, chị T2 không làm thủ tục sang tên đổi chủ và sử dụng làm phương tiện đi lại từ đó đến ngày bị Đ trộm cắp. Kết quả tra cứu xe máy BKS 88H3 - 7999 không có trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng. Ngày 22/5/2018, Cơ quan CSĐT công an thành phố V trả lại cho chị T2 chiếc xe máy trên. Chị T2 nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hình sự, án phí dân sự trong án hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Triệu Hồng Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt Triệu Hồng Đ: 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 06/5/2018)

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 40.000đ của ông Nguyễn Văn C (là tiền chênh lệch do ông C bán tài sản do Đ phạm tội mà có)
(Theo Biên bản bản giao vật chứng ngày 02/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V).

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015; các Điều 357, Điều 468; Khoản 1 Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Triệu Hồng Đ phải bồi thường, cụ thể: cho anh Lê Gia Q số tiền 400.000đ; bồi thường cho anh Trần Mạnh Th số tiền 600.000đ và bồi thường cho ông Hà Văn T số tiền 1.000.000đ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Án phí Hình sự sơ thẩm bị cáo Triệu Hồng Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự trong án hình sự bị cáo Triệu Hồng Đ phải chịu: 300.000đ.

Bị cáo, người bị hại có mặt quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Mạnh